

Số: /BC-CTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
Tháng 10 và 10 tháng năm 2023

Kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó đoán định khi chiến sự Israel – Hamas xảy ra tại Trung đông giữa lúc khủng hoảng Nga - Ukraine leo thang sang giai đoạn mới. Bên cạnh các chính sách kích cầu tiêu dùng đang thực hiện, Thành phố đẩy nhanh việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các điểm nghẽn về pháp lý, vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trọng điểm với tinh thần không đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm.

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố tháng 10 và 10 tháng năm 2023 như sau:

1. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1.1. Nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đến ngày 15/10/2023 đạt 33.606,7 ha, giảm 2,6% so với cùng kỳ, trong đó:

Vụ lúa Hè Thu: Diện tích lúa đã gieo cấy 5.746,5 ha, giảm 2,7% so với cùng kỳ; ước tính năng suất đạt 54,1 tạ/ha, tăng 4,1%.

Vụ lúa Mùa: Diện tích lúa gieo cấy đạt 5.621,3 ha, giảm 1,7% so với cùng kỳ.

Diện tích trồng ngô đạt 363,1 ha, tăng 25,3% so với cùng kỳ.

Diện tích trồng sắn đạt 2.263,6 ha, tăng 2,1% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng rau các loại đạt 6.034,0 ha, giảm 9,9%; sản lượng đạt 207.808,3 tấn, giảm 9,5% so với cùng kỳ.

Tình hình sinh vật gây hại:

Trong tháng, diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 774,6 ha, tăng 50,0% so với cùng kỳ và diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 570,1 ha, giảm 6,0%. Các sinh vật gây hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, sâu tơ, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng, vàng lá và ốc bươu vàng.

1.1.2. Chăn nuôi

Tổng đàn chăn nuôi của Thành phố có xu hướng giảm nhưng sản lượng chăn nuôi duy trì ổn định do tình hình kiểm soát dịch bệnh tốt và đảm bảo sản lượng thịt, trứng cung cấp cho thị trường. Ước tính tổng đàn chăn nuôi tháng 10 như sau:

Đàn trâu có 2.833 con, giảm 6,5% so với cùng kỳ.

Đàn bò có 97.065 con, giảm 3,7%, trong đó đàn bò sữa có 66.825 con, tăng 0,1%.

Đàn lợn thịt có 140.159 con, giảm 1,0%.

Đàn gia cầm có 356,0 nghìn con, giảm 0,2%, trong đó đàn gà có 322 nghìn con, giảm 2,0%.

1.2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng và cây lâm nghiệp trồng phân tán hiện có khoảng 36.822 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây lâm nghiệp phân tán đạt 17,6%, tương đương so với cùng kỳ.

Sản lượng lâm sản khai thác tính đến nay khoảng 2.180 m³ gỗ ở Công ty cây trồng Thành phố và 2.230 ster củi tận thu từ rừng phòng hộ của các hộ dân huyện Cần Giờ.

Trong tháng, không xảy ra vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp về bảo vệ động vật rừng.

1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 10 năm 2023 ước đạt 5.670,8 tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 1.401,0 tấn, giảm 4,9%; sản lượng tôm ước đạt 1.463,0 tấn, tăng 6,6%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.806,0 tấn, tăng 2,6%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản:

Sản lượng thủy sản khai thác tháng 10 năm 2023 ước thực hiện 1.218,0 tấn, giảm 5,9% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 751,5 tấn, giảm 6,6%; sản lượng tôm ước đạt 160,5 tấn, tăng 9,4%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 306,0 tấn, giảm 2,0%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 10 năm 2023 ước đạt 4.452,0 tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ. Chia ra, sản lượng cá ước đạt 649,5 tấn, giảm 2,8% so với cùng kỳ; sản lượng tôm ước đạt 1.302,5 tấn, tăng 9,0%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.500,0 tấn, tăng 2,7%.

Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 03/10/2023)

Tôm sú: Có tổng số 290 lượt hộ thả nuôi với 144,3 triệu con giống trên diện tích 3.284,4 ha. Diện tích thả nuôi tăng 1,2% so với cùng kỳ, số lượng con giống tăng 30,2%.

Tôm thẻ chân trắng: Có tổng số 1.588 lượt hộ thả nuôi với 565,1 triệu con giống trên diện tích 1.290,6 ha. Diện tích thả nuôi giảm 8,0% so với cùng kỳ, số lượng con giống giảm 13,2%.

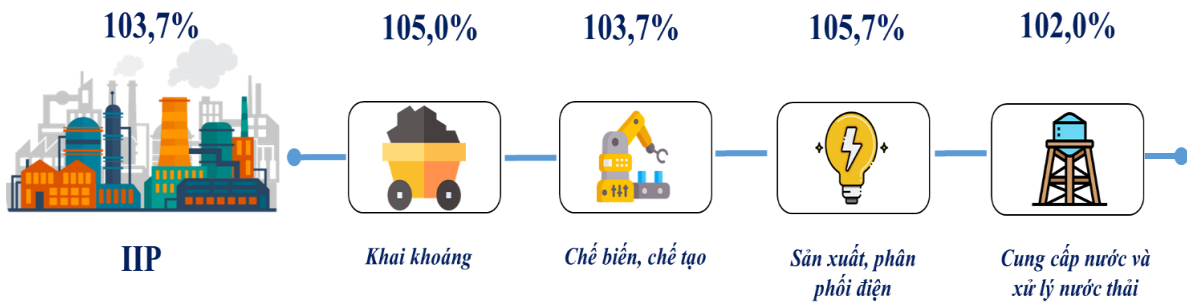
Trong tháng, không phát sinh diện tích tôm bị bệnh. Tính từ đầu năm đến nay, có 19 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 9,2 ha, số lượng con giống thiệt hại là 3,8 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 2.746 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

2. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 10 năm 2023 ước tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 10,6% so với cùng kỳ. Chia ra, công nghiệp khai khoáng tăng 6,10% so với tháng trước và tăng 8,9% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 11,1% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện giảm 1,1% so với tháng trước và tăng 5,0% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 0,3% so với tháng trước nhưng giảm 5,1% so với cùng kỳ.

Tính chung 10 tháng năm 2023, chỉ số IIP trên địa bàn Thành phố tăng 3,7% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành khai khoáng tăng 5,0%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,7%; sản xuất và phân phối điện tăng 5,7%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 2,0%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 22/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2023 tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng khá như: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 15%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 29,5%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 19,3%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 14,4%. Một số ngành có chỉ số IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 14,8%; sản xuất đồ uống giảm 12,8%; sản xuất trang phục giảm 12,6%.

**Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu 10 tháng năm 2023
so với cùng kỳ**

	Đơn vị tính: %			
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số	95,1	85,3	117,0	103,7
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	286,4	69,8	154,6	105,0
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	94,3	85,0	115,7	103,7
3. Sản xuất và phân phối điện	98,7	94,3	173,8	105,7
4. Cung cấp nước và xử lý chất thải	100,1	95,8	111,7	102,0
<i>Một số ngành chủ yếu</i>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	102,1	92,5	114,5	97,9
2. Sản xuất đồ uống	91,0	72,7	137,5	87,2
3. Sản xuất trang phục	78,7	72,4	128,0	87,4
4. Sản xuất da và sản phẩm liên quan	80,8	80,2	115,7	91,9
5. Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất	120,0	95,0	108,5	110,8
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	92,1	92,5	163,6	129,5
7. Sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	96,4	88,1	113,0	85,2
8. Sản xuất sản phẩm điện tử	119,6	82,2	103,9	106,0
9. Sản xuất thiết bị điện	99,3	96,6	106,0	111,5
10. Sản xuất xe có động cơ	83,3	93,3	139,2	102,6

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 10 tháng tăng 6,3% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành hóa dược tăng 19,2%; ngành cơ khí tăng 7,4%; ngành sản xuất hàng điện tử tăng 6,0%; ngành lương thực, thực phẩm và đồ uống giảm 6,0%.

Đối với 3 ngành công nghiệp truyền thống, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 10 tháng giảm 8,6% so với cùng kỳ, trong đó ngành dệt tăng 2,5%; sản xuất trang phục giảm 12,6%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 8,1%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 10 tháng năm 2023 tăng cao so với cùng kỳ như: Bao bì đóng gói bằng plastic tăng 36,1%; phân khoáng hoặc phân hóa học tăng 26,2%; sữa/kem đặc có/không có đường tăng 12,7%; tivi tăng 10,8%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Bia chai, lon giảm 22,6%; xi măng giảm 22,1%; sắt thép các loại giảm 13,8%; quần áo các loại trừ quần áo thể thao giảm 13,4%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 10 năm 2023 ước tính tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 19,9% so với cùng kỳ cho thấy tín hiệu tích cực về sự phục hồi của ngành công nghiệp Thành phố. Tính chung 10 tháng năm 2023, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp tăng 1,5% so

với cùng kỳ. Trong đó, có 9/23 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng; một số ngành tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 77,3%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 68,6%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 29,9%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 19,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 18,9%; 14 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm và giảm mạnh nhất là ngành sản xuất kim loại với tỷ lệ là 50,1%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 10 năm 2023 ước tính tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 20,5% so với cùng kỳ. Trong đó, 15/23 ngành công nghiệp cấp II có chỉ số tồn kho tăng. Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao như: Sản xuất trang phục tăng 33,8%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 30,6%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 20,9%. Có 9/23 ngành có chỉ số tồn kho giảm. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 42,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 36,9%; sản xuất thiết bị điện giảm 33,2%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 10 năm 2023 tăng 0,5% so với tháng trước và giảm 3,2% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng năm 2023, chỉ số lao động giảm 2,5% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 32,4%; sản xuất xe có động cơ tăng 28,4%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 24,1%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 17,0%; sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại khác giảm 12,0%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 10,0%.

3. ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/10/2023, Thành phố đã cấp phép 42.670 doanh nghiệp, tăng 15,2% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 386.579 tỷ đồng, giảm 4,5%. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 31.740 doanh nghiệp thành lập, tăng 16,9% so với cùng kỳ; vốn đăng ký 265.833 tỷ đồng, giảm 13,2%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có 38.554 đơn vị, tăng 18,7% so với cùng kỳ và tổng vốn đăng ký đạt 292.721 tỷ đồng, tăng 31,6%; Công ty cổ phần có 3.586 đơn vị, giảm 14,9% và vốn đăng ký 93.565 tỷ đồng, giảm 48,7%; Doanh nghiệp tư nhân có 525 đơn vị, tăng 54,9% và vốn đăng ký 237 tỷ đồng, tăng 27,0%.

Phân theo loại hình kinh tế

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 142 đơn vị, giảm 2,1% và vốn đăng ký đạt 2.094 tỷ đồng, giảm 12,8% so với cùng kỳ.

Khu vực công nghiệp, xây dựng: Cấp phép 7.909 doanh nghiệp, tăng 10,5% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 105.020 tỷ đồng, tăng 22,9%. Trong đó, nhóm ngành công nghiệp có 4.281 đơn vị, tăng 6,7% và vốn đăng ký 29.777 tỷ đồng, giảm 40,6%; ngành xây dựng có 3.628 doanh nghiệp, tăng 15,3% và vốn đăng ký 75.242 tỷ đồng, tăng 113,0%.

Khu vực thương mại, dịch vụ: Cấp phép 34.619 doanh nghiệp, tăng 16,4% so với cùng kỳ và vốn đăng ký đạt 279.466 tỷ đồng, giảm 11,9%. Trong đó, thương nghiệp có 18.351 đơn vị, tăng 29,3% và vốn đăng ký đạt 138.363 tỷ đồng, tăng 27,2%; vận tải kho bãi có 2.182 đơn vị, tăng 23,3% và vốn đăng ký đạt 16.476 tỷ đồng, tăng 39,7%; dịch vụ lưu trú ăn uống có 1.966 đơn vị, tăng 10,9% và vốn đăng ký đạt 8.431 tỷ đồng, giảm 20,4%; kinh doanh bất động sản có 1.252 đơn vị, giảm 43,7% và vốn đăng ký đạt 46.792 tỷ đồng, giảm 58,3%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 4.140 đơn vị, tăng 14,0% và vốn đăng ký 28.976 tỷ đồng, tăng 45,1%.

4. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

4.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 10 năm 2023 đạt 5.517,7 tỷ đồng, tăng 8,3% so với tháng trước và tăng 61,8% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2023 ước thực hiện 36.071,0 tỷ đồng, tăng 55,9% so với cùng kỳ (10 tháng năm 2022 thực hiện 23.132,9 tỷ đồng). Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố ước thực hiện 35.720,8 tỷ đồng, tăng 56,3% so với cùng kỳ, đạt 50,7% vốn Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; vốn ngân sách cấp huyện ước thực hiện 350,2 tỷ đồng, tăng 24,2%, đạt 52,3% vốn kế hoạch.

Tình hình thực hiện Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách 10 tháng đầu năm 2023

	Kế hoạch năm 2023 (tỷ đồng)	Ước tính 10 tháng năm 2023 (tỷ đồng)	10 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)	10 tháng năm 2023 so với Kế hoạch (%)
TỔNG SỐ	71.188,2	36.071,0	155,9	50,7
Vốn ngân sách cấp Thành phố	70.518,1	35.720,8	156,3	50,7
Vốn cân đối	65.107,1	32.593,5	163,7	50,1
<i>Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất</i>	<i>12.844,7</i>	<i>9.983,3</i>	<i>145,2</i>	<i>77,7</i>
Vốn nước ngoài (ODA)	1.412,6	1.052,9	540,4	74,5
Xổ số kiến thiết	3.998,4	2.058,4	75,4	51,5
Vốn ngân sách cấp huyện	670,1	350,2	124,2	52,3

Tính đến hết ngày 19 tháng 10 năm 2023, tổng số vốn đầu tư đã được giải ngân là 24.199,8 tỷ đồng, đạt 35,3% so với Kế hoạch vốn năm 2023 được UBND Thành phố giao, đạt 34,3% so với Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên,

Công tác thi công xây dựng và tiến hành chạy thử trên toàn tuyến vào quý IV/2023 theo kế hoạch vẫn còn nhiều khó khăn; nguyên nhân quan trọng là việc nhà thầu Hitachi (gói thầu số 3) vẫn chưa thực hiện các công tác đào tạo, bồi dưỡng và bảo trì, phối hợp với tư vấn đánh giá chứng nhận an toàn hệ thống, công tác phối hợp với các nhà thầu thi công của dự án, các công việc phối hợp liên quan đến đẩy nhanh tiến độ thi công cầu bộ hành các nhà ga trên cao thuộc gói thầu số 2. Theo kế hoạch, thời điểm hoàn thành thi công tuyến Metro 1 vào cuối quý IV/2023, thời gian bảo hành dự án từ 2024 - 2028.

Dự án mở rộng Quốc lộ 50 tại huyện Bình Chánh,

Dự án đang chậm tiến độ do vướng mặt bằng và di dời công trình hạ tầng kỹ thuật. Đã khởi công tại các gói thầu xây lắp số 1, 2, 4 (xây dựng mới đoạn song hành); gói 3 (cầu Bà Lớn) với tổng khối lượng 4 gói thầu đạt khoảng 24%. Dự án có 9 gói thầu xây lắp cùng các gói thầu khác, trong đó 4 gói thầu đã hoàn tất lựa chọn nhà thầu thi công, tư vấn giám sát; dự kiến dự án mở rộng Quốc lộ 50 sẽ hoàn thành vào ngày 31/12/2024.

Dự án đường Vành đai 3 Thành phố,

Mặt bằng của dự án thành phần 1 đã bàn giao đạt tỉ lệ 92%; trong đó, huyện Hóc Môn đã hoàn thành 100%; các huyện Củ Chi, Bình Chánh và thành phố Thủ Đức đã bàn giao mặt bằng lần lượt là 97,61%, 94,59% và 76,15%. Dự kiến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án thành phần 1 sẽ hoàn thành trước trước ngày 31/12/2023.

Dự án thành phần 2 đường vành đai 3 vẫn đang đáp ứng tiến độ; máy móc, vật liệu xây dựng đã được tập kết phục vụ công tác thi công san ủi mặt bằng.

Dự án nút giao thông An Phú,

Khu vực hầm chui trên đường Mai Chí Thọ, đang trong giai đoạn định hình hầm chui; khu vực đường Đồng Văn Cống, công tác lắp đặt những khung thép trụ cầu lớn đang chuẩn bị đổ bê tông. Công trình đang được thi công gấp rút, để đảm bảo thi công đúng tiến độ.

4.2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, toàn Thành phố đã cấp 17.436 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà cấp 3, cấp 4 cho hộ dân cư, giảm 29,4% (-7.278 giấy phép) so với cùng kỳ và diện tích sàn đạt 3.264,1 nghìn m², giảm 30,3%

(-1.417,5 nghìn m²). Trong đó, cấp xây dựng mới 15.752 giấy phép với diện tích 3.047,2 nghìn m² và 1.684 giấy phép sửa chữa lớn với diện tích 216,9 nghìn m².

5. TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ CHỨNG KHOÁN

5.1. Thu, chi ngân sách

Ước tính tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố 10 tháng đầu năm 2023 giảm 8,1% so với cùng kỳ, trong đó 3 thành phần trong tổng thu ngân sách đều giảm so với cùng kỳ: Thu nội địa giảm 5,2%, thu từ dầu thô giảm 16,4%, thu từ xuất nhập khẩu giảm 13,1%. Ngược lại, ước tính chi ngân sách địa phương tăng 37,3% so với cùng kỳ, trong đó chi đầu tư tăng 31,7% và chi thường xuyên tăng 9,4%.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 10 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 372.708 tỷ đồng, đạt 79,4% dự toán và giảm 8,1% so với cùng kỳ. Cụ thể:

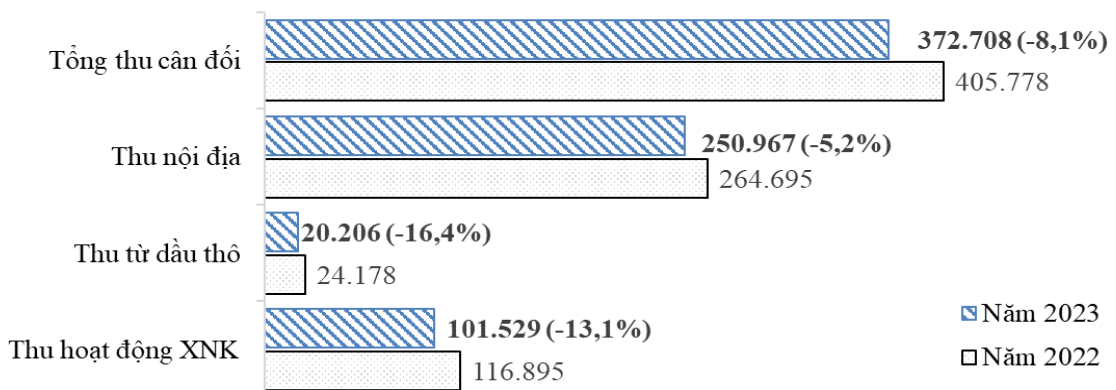
Thu nội địa ước thực hiện 250.967 tỷ đồng, đạt 81,6% dự toán, chiếm 67,3% tổng thu cân đối và giảm 5,2% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 25.084 tỷ đồng, đạt 80,6% dự toán, chiếm 6,7% tổng thu và giảm 9,6%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 75.782 tỷ đồng, đạt 87,0% dự toán, chiếm 20,3% tổng thu và tăng 3,2%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 62.944 tỷ đồng, đạt 87,0% dự toán, chiếm 16,9% tổng thu và giảm 2,3%.

Thu dầu thô ước thực hiện 20.206 tỷ đồng, vượt 26,3% dự toán, chiếm 5,4% tổng thu cân đối và giảm 16,4%.

Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 101.529 tỷ đồng, đạt 69,6% dự toán, chiếm 27,2% tổng thu cân đối và giảm 13,1%.

Thu cân đối ngân sách địa phương 10 tháng đầu năm 2023, ước thực hiện 98.683 tỷ đồng, đạt 96,7% dự toán, chiếm 30,4% tổng thu cân đối ngân sách nhà nước và tăng 14,7% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách Nhà nước 10 tháng đầu năm 2022, 2023 (tỷ đồng)



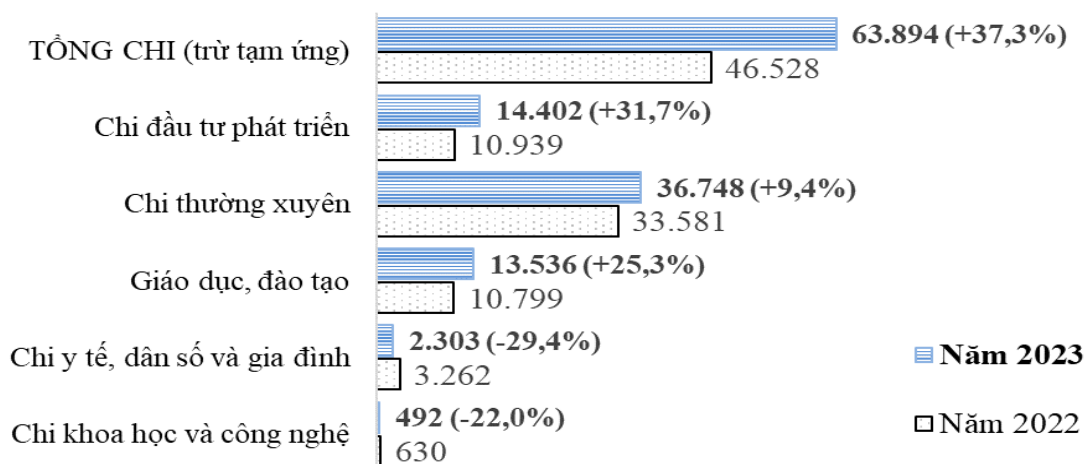
Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 10 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 63.894 tỷ đồng, đạt 50,6% dự toán và tăng 37,3% so với cùng kỳ.

Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 51.921 tỷ đồng, đạt 46,9% dự toán và tăng 15,1% so với cùng kỳ. Cụ thể:

Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách địa phương ước thực hiện 14.402 tỷ đồng, đạt 31,3% dự toán và tăng 31,7% so với cùng kỳ.

Chi thường xuyên ước thực hiện 36.748 tỷ đồng, đạt 61,1% dự toán và tăng 9,4%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 13.536 tỷ đồng, đạt 64,4% dự toán và tăng 25,3%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 2.303 tỷ đồng, đạt 36,6% dự toán và giảm 29,4%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 492 tỷ đồng, đạt 51,2% dự toán và giảm 22,0% so với cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương 10 tháng đầu năm 2022, 2023 (tỷ đồng)



5.2. Hoạt động huy động vốn và tín dụng

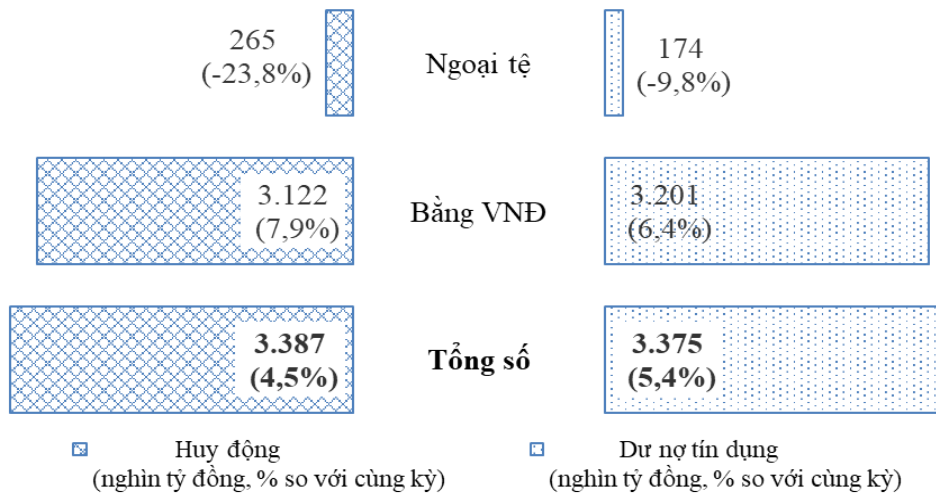
Hoạt động ngân hàng trên địa bàn Thành phố được duy trì ổn định, trong đó lãi suất huy động so với tháng trước giảm 0,1% - 2,0%/năm; lãi suất cho vay bằng VNĐ giảm 0,3% - 0,6%/năm đối với ngắn hạn và giảm 0,9% - 1,6%/năm đối với trung, dài hạn. Trong khi tỷ giá VNĐ/USD và giá vàng có diễn biến tăng do chịu tác động từ bất ổn địa chính trị trên thế giới. Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tăng 4,5% và dư nợ tăng 5,4% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/10/2023 đạt 3.387 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 4,5% so với cùng kỳ. Trong đó:

Vốn huy động bằng VNĐ ước đạt 3.122 nghìn tỷ đồng, chiếm 92,2% tổng vốn huy động, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 7,9% so với cùng kỳ.

Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 265 nghìn tỷ đồng, chiếm 7,8% tổng vốn huy động, tăng 1,0% so với tháng trước và giảm 23,8% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ
(ước tính đến 31/10/2023)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/10/2023 đạt 3.375 nghìn tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 5,4% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

Dư nợ tín dụng bằng VND ước đạt 3.201 nghìn tỷ đồng, chiếm 94,9% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 6,4% so với cùng kỳ.

Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 174 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,1%, tăng 0,8% so với tháng trước và giảm 9,8% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.591 nghìn tỷ đồng, chiếm 47,2% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 11,4% so với cùng kỳ.

Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 1.784 nghìn tỷ đồng, chiếm 52,8% tổng dư nợ tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 0,6% so với cùng kỳ.

5.3. Thị trường chứng khoán

Trong tháng 9/2023, số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước giảm 8,3% so với tháng trước, khối lượng giao dịch giảm 18,9% và giá trị giảm 12,9% so với tháng trước. Chỉ số VN-Index đầu tháng 9/2023 liên tiếp tăng, lập đỉnh mới với 1.245,5 điểm, sau đó có xu hướng giảm và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index đạt 1.154,15 điểm, giảm 6,5% so với phiên đầu tháng.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 29/9/2023, đã có 550 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 325 mã cổ phiếu, 12 mã chứng chỉ quỹ, 212 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp

lệnh đã giảm 08 mã cổ phiếu và 02 mã chứng chỉ quỹ so với tháng trước. Trong tháng 9/2023, có 20 mã chứng quyền và 01 mã cổ phiếu hủy niêm yết trên sàn Hose.

Trong tháng 9 năm 2023 có 19 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng 19.559,6 triệu chứng khoán và giá trị là 446.480,3 tỷ đồng. Tổng giao dịch đã giảm 18,9% về khối lượng và giảm 12,9% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 92,5% về khối lượng và chiếm 91,2% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 1.029,5 triệu chứng khoán với 23.499,0 tỷ đồng được giao dịch, giảm 1,8% về khối lượng và tăng 5,4% về giá trị so với tháng trước.

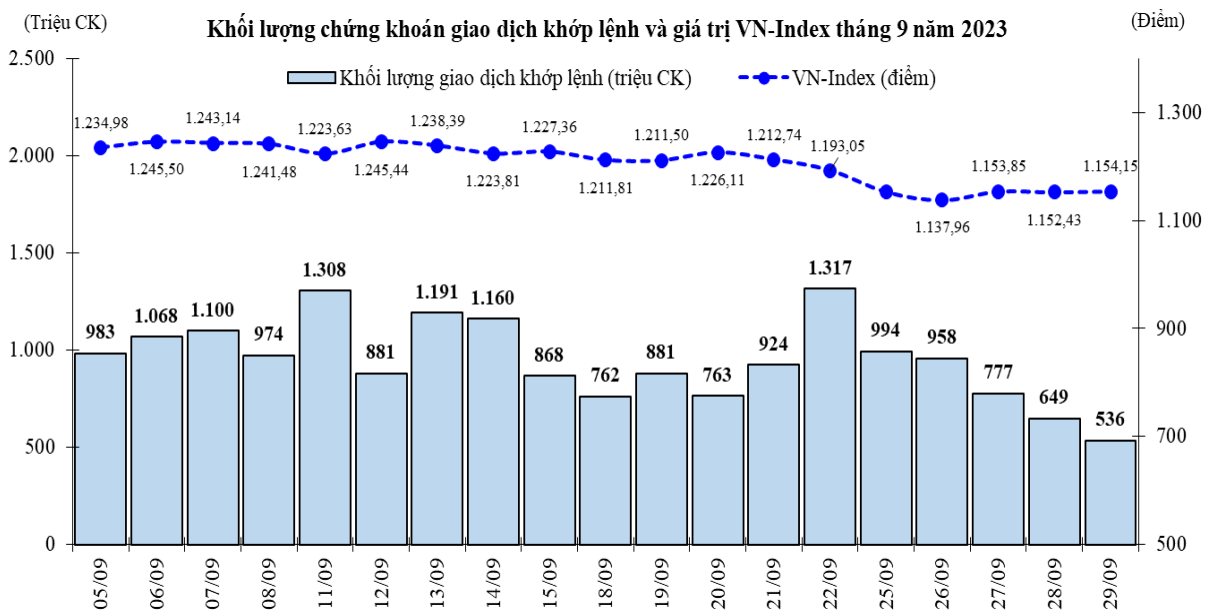
Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, tổng khối lượng giao dịch đạt 144.211,1 triệu chứng khoán với 2.775.345,4 tỷ đồng, tăng 15,6% về khối lượng, nhưng giảm 23,8% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 91,0% về khối lượng và chiếm 89,1% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 792,4 triệu chứng khoán với 15.249,2 tỷ đồng được giao dịch, tăng 16,8% về khối lượng, nhưng giảm 23,0% về giá trị so với cùng kỳ.

Kết quả giao dịch chứng khoán tháng 9 và 9 tháng năm 2023 như sau:

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 9/2023	Lũy kế 9 tháng 2023	Tháng 9/2023 so với tháng 8/2023	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	19.559,6	144.211,1	81,1	115,6
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	14.939,7	114.770,0	79,8	112,1
- Trái phiếu	4,0	40,7	39,6	62,9
- Chứng chỉ quỹ & ETF	121,6	1.038,8	73,3	89,9
- Chứng quyền	4.494,3	28.361,6	86,4	133,8
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	18.093,7	131.217,5	80,7	112,9
- Giao dịch thoả thuận	1.465,9	12.993,6	87,5	151,7
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	446.480,3	2.775.345,4	87,1	76,2
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	338.810,2	2.164.855,6	87,7	72,7
- Trái phiếu	18,1	185,6	36,4	28,2
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.630,4	20.135,0	71,8	71,8
- Chứng quyền	105.021,6	590.169,2	85,8	93,1
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	407.088,7	2.472.245,9	86,2	78,0
- Giao dịch thoả thuận	39.391,6	303.099,5	98,1	64,3

Chỉ số VN-Index tháng 9 năm 2023, với 19 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index thì có 7 phiên tăng điểm và 12 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 9 năm 2023, VN-Index đạt 1.234,98 điểm, tăng 0,9% (tương ứng giảm 10,93 điểm) so với phiên giao dịch trước và tăng 22,6% (tương ứng tăng 227,89 điểm) so với 30/12/2022. Tiếp đà tăng trưởng của 6 phiên liên tiếp, VN-Index đã lập đỉnh vào ngày 06/9/2023 với 1.245,5 điểm, tăng 23,6% (tương ứng tăng 238,41 điểm) so với 30/12/2022, sau đó VN-Index có xu hướng đi xuống và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng VN-Index đạt 1.154,15 điểm, giảm 6,5% (tương ứng giảm 80,83 điểm) so đầu tháng; tăng 14,6% (tương ứng tăng 147,06 điểm) so với 30/12/2022; giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.620.492 tỷ đồng, gấp 2,8 lần quy mô ước tính GRDP của Thành phố năm 2023.



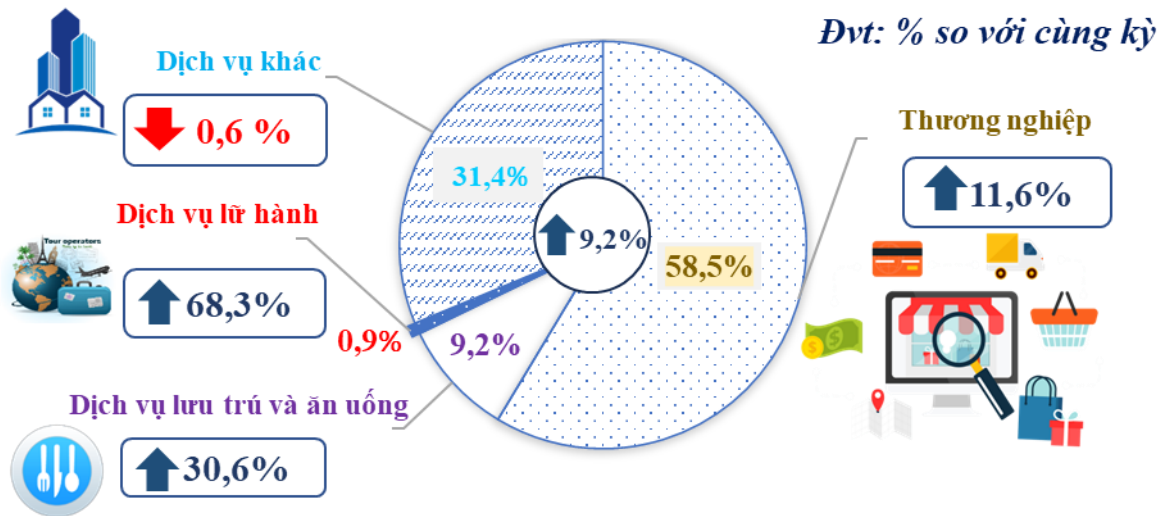
Cập nhật phiên giao dịch ngày 18/10/2023 có 550 mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh được thực hiện trên sàn Hose gồm: 323 mã cổ phiếu, 14 mã chứng chỉ, 212 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.103,40 điểm, tăng 9,6% (tương ứng tăng 96,31 điểm) so với 30/12/2022 và vốn hóa thị trường đạt 4.418.221 tỷ đồng.

6. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI

6.1. Thương mại, dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 10 năm 2023 ước đạt 108.120 tỷ đồng, tăng 2,6% so với tháng trước, tăng 15,0% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 10 tháng năm 2023 ước đạt 978.681 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ. Trong đó:

TỔNG MỨC BÁN LẺ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ



Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 10 năm 2023 ước đạt 63.207 tỷ đồng, chiếm 58,5% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 20,2% so với cùng kỳ. Trong đó:

Các nhóm hàng tăng cao trên 10% so với cùng kỳ như: Lương thực, thực phẩm tăng 19,6%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 29,4%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 52,2%; xăng, dầu tăng 44,0%; đá quý, kim loại tăng 41,0%; hàng hóa khác tăng 35,0%; sửa chữa xe có động cơ tăng 39,2%.

Ước tính 10 tháng năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 577.764 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 10 năm 2023 ước đạt 9.987 tỷ đồng, chiếm 9,2% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 6,5% so với tháng trước và tăng 31,0% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu hoạt động lưu trú tăng 9,5% so với tháng trước và tăng 95,9% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động ăn uống tăng 6,1% so với tháng trước và tăng 25,7% so với cùng kỳ.

Ước tính 10 tháng năm 2023, doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 89.456 tỷ đồng, tăng 30,6% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu lưu trú tăng 48,2%, doanh thu ăn uống tăng 28,8%. Hoạt động lưu trú và ăn uống có mức tăng cao do Thành phố tổ chức nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá kết hợp với các sản phẩm du lịch đặc trưng ở từng quận, huyện để thu hút du khách.

Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 10 năm 2023 ước đạt 921 tỷ đồng, giảm 7,6% so với tháng trước và tăng 51,6% so với cùng kỳ.

Ước tính 10 tháng năm 2023, doanh thu lữ hành đạt 8.929 tỷ đồng, tăng 68,3% so với cùng kỳ. Hoạt động của các đơn vị lữ hành trong tháng 10 có mức tăng trưởng chậm lại do tháng 10 không còn là tháng cao điểm của du lịch nội địa.

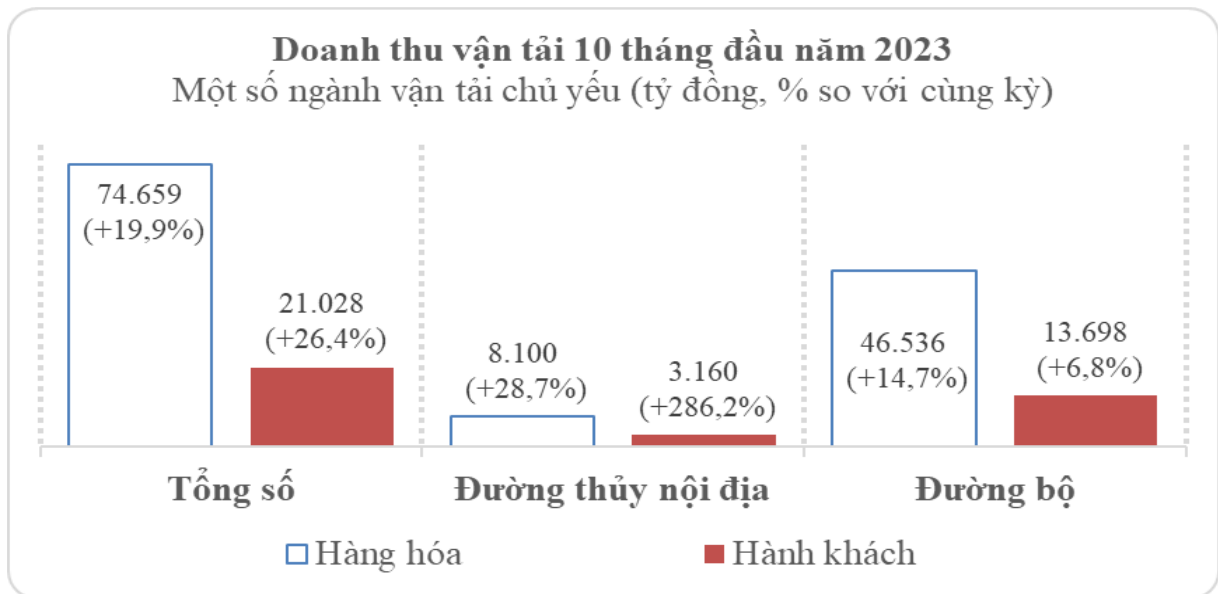
Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 10 năm 2023 ước đạt 34.005 tỷ đồng, tăng 2,5% so với tháng trước và tăng 2,5% so với cùng kỳ.

Ước tính 10 tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 302.532 tỷ đồng, giảm 0,6% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu kinh doanh bất động sản chiếm 61,7% trong nhóm doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác, có mức giảm 4,3% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ hành chính chiếm 14,9%, tăng 2,9%.

6.2. Vận tải hàng hóa và hành khách

6.2.1. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 10 ước đạt 30.040 tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 36,1% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023 ước đạt 258.451 tỷ đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ.



Vận tải hàng hóa: Doanh thu tháng 10 ước đạt 8.165 tỷ đồng, tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 17,8% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2023 ước đạt 74.659 tỷ đồng, tăng 19,9% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 62,3%, tăng 14,7%; vận tải đường thủy nội địa chiếm 10,8%, tăng 28,7%; vận tải đường biển chiếm 26,4%, tăng 31,2% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Doanh thu tháng 10 ước đạt 2.150 tỷ đồng, giảm 0,9% so với tháng trước và tăng 7,2% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2023 ước đạt 21.028 tỷ đồng, tăng 26,4% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 65,1%, tăng 6,8% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 4,2%, tăng 17,6%; đường thủy nội địa chiếm 15,0%, tăng 286,2%; đường hàng không chiếm 14,9%, tăng 39,7%.

Hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát: Doanh thu tháng 10 ước đạt 19.725 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước và

tăng 50,1% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2023 ước đạt 162.764 tỷ đồng, tăng 15,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 155.948 tỷ đồng, tăng 14,1%; Bưu chính và chuyển phát đạt 6.816 tỷ đồng, tăng 42,6%.

6.2.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách,

Vận tải hàng hóa: Khối lượng vận chuyển tháng 10 ước đạt 21.841 nghìn tấn, tăng 3,6% so với tháng trước và giảm 2,3% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2023 ước đạt 206.896 nghìn tấn, tăng 2,3% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 59,7%, giảm 9,1%; vận tải đường thủy nội địa chiếm 24,9%, tăng 31,2%; vận tải đường biển chiếm 15,1%, tăng 18,2% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 10 ước đạt 73.596 nghìn lượt, giảm 3,2% so với tháng trước và tăng 18,1% so với cùng kỳ. Lũy kế 10 tháng năm 2023 ước đạt 660.135 nghìn lượt, tăng 20,6% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 93,8%, tăng 19,3% so với cùng kỳ; vận tải đường thủy nội địa chiếm 5,5%, tăng 47,6% và vận tải hàng không chiếm 0,4%, tăng 32,1% so với cùng kỳ.

7. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 tăng **0,37%**, trong đó có 4/11 nhóm hàng hóa giảm là giao thông (-1,29%), dịch vụ bưu chính viễn thông (-0,04%), thiết bị và đồ dùng gia đình (0,10%), hàng ăn và dịch vụ ăn uống (0,03%); có 7/11 các nhóm còn lại tăng so với tháng trước, tăng cao nhất là nhóm giáo dục (+7,16%).

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành hàng tháng 10 so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Giảm 0,03%, trong đó nhóm lương thực tăng 0,38%, chủ yếu do giá gạo vẫn tiếp tục tăng 0,51% do Philippines tuyên bố không giảm thuế nhập khẩu; nhóm thực phẩm giảm 0,30%, trong đó, thịt gia cầm giảm 0,73%, trứng các loại tăng 0,02%, rau tươi, khô và chế biến giảm 1,11%, thủy sản chế biến tăng 0,14%; dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,27%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Tăng 0,36%, trong đó bia các loại tăng 0,09%, nước khoáng và nước có ga tăng 0,89%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Tăng 0,08%, do nhu cầu tiêu dùng tăng. Trong đó, giá vải các loại tăng 0,11%, giá hàng may mặc khác tăng 0,48%, giày dép tăng 0,38%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng: Tăng 0,05%, chủ yếu do giá gas và các loại chất đốt tăng 4,24%, trong đó giá gas điều chỉnh tăng 20.000 đồng/bình 12kg, giá nước sinh hoạt tăng 2,21%, nhà ở thuê tăng 0,02%

do nhu cầu phục vụ sinh viên năm học mới vẫn còn. Ngược lại, giá điện sinh hoạt giảm 1,34% do thời tiết nhiều mưa nên nhu cầu sử dụng điện giảm.

Nhóm giao thông: Giảm 1,29%, chủ yếu do giá nhiên liệu giảm 3,97%, trong đó giá xăng giảm 4,63%, dầu diesel giảm 0,72%.

Trong tháng 10/2023 có 3 lần điều chỉnh giá bán xăng, dầu (ngày 02/10/2023, ngày 11/10/2023 và ngày 23/10/2023) làm cho nhóm nhiên liệu giảm 3,97% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2022, bình quân 10 tháng năm 2023 giá xăng, dầu giảm 13,36%, tác động làm CPI chung giảm 0,46 điểm phần trăm.

Nhóm bưu chính viễn thông: Giảm 0,04% so với tháng trước chủ yếu do các chương trình khuyến mãi, giảm giá bán các mặt hàng điện thoại và phụ kiện.

Nhóm giáo dục: Tăng 7,16% so với tháng trước, do việc điều chỉnh giá học phí của một số trường cho năm học mới.

Nhóm hàng hóa, dịch vụ khác: Tăng 0,27%, chủ yếu tập trung ở các mặt hàng: Đồ dùng cá nhân tăng 0,54%, dịch vụ khác tăng 0,46%.

So với tháng 10 năm 2022, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,31%, trong đó chỉ có nhóm dịch vụ bưu chính, viễn thông giảm 4,01%; 10 nhóm còn lại đều tăng giá, nhóm giáo dục tăng cao nhất với mức tăng là 12,94%.

Bình quân 10 tháng năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,43% so với cùng kỳ (bình quân 10 tháng năm 2022 tăng 2,32%), chỉ trừ nhóm giao thông giảm 2,86% và bưu chính viễn thông giảm 1,70%; 9 nhóm còn lại đều tăng, trong đó các nhóm tăng cao gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,76%, đồ uống và thuốc lá tăng 3,96%, nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 4,47%, văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,90%, giáo dục tăng 14,54%.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

Đơn vị tính: %

	Tháng 10 so với cùng kỳ		Chỉ số giá bình quân 10 tháng so với cùng kỳ	
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ số giá tiêu dùng	103,65	103,31	102,32	103,43
<i>Trong đó: - Lương thực</i>	<i>103,21</i>	<i>108,66</i>	<i>104,13</i>	<i>105,19</i>
<i>- Thực phẩm</i>	<i>98,35</i>	<i>100,56</i>	<i>99,55</i>	<i>102,45</i>
2. Chỉ số giá vàng	115,54	104,54	118,02	100,94
3. Chỉ số giá USD	102,33	103,74	100,18	102,91

Chỉ số giá vàng tháng 10 năm 2023 tăng 1,53% so với tháng trước; tăng 3,53% so với tháng 12 năm 2022 và tăng 4,54% so với cùng kỳ; bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 0,94% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10 năm 2023 tăng 1,22% so với tháng trước; tăng 1,41% so với tháng 12 năm 2022 và tăng 3,74% so với cùng kỳ; bình quân 10 tháng năm 2023 tăng 2,961% so với cùng kỳ.

8. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

8.1. Hoạt động y tế

Tình hình bệnh Sốt xuất huyết: Trong tháng, số ca mắc là 1.787 ca và 04 ca tử vong.

Tình hình bệnh Tay Chân Miệng: Trong tháng, số ca mắc là 5.708 ca và không có ca tử vong.

Tình hình bệnh Covid-19: Trong tháng, số ca mắc là 04 ca, tính từ đầu năm tới 15/10/2023 là 5.153 ca, giảm 95,5% so với cùng kỳ. Thành phố hiện đã hết vắc xin phòng Covid-19, vì vậy tạm ngưng tiêm cho người dân và sẽ tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị,

Trong tháng, số lượt khám chữa bệnh ngoại trú ước đạt 3.531.456 lượt, tăng 7,0% so với cùng kỳ. Số lượt điều trị nội trú ước đạt 239.517 lượt, tăng 11%.

Công tác cung ứng thuốc luôn được Thành phố chỉ đạo các đơn vị liên quan bảo đảm cung ứng, kiểm soát chặt chẽ giá thuốc và chủ động mua sắm các thuốc điều trị bệnh đau mắt đỏ; yêu cầu các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện các quy định về bán thuốc theo đơn, không được đầu cơ, tăng giá thuốc.

8.2. Hoạt động giáo dục

Công tác triển khai năm học 2023-2024 được tổ chức thực hiện đúng kế hoạch và đảm bảo tiến độ. Thành phố đã ban hành Nghị quyết 04/2023/NQ-HĐND quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024 và Nghị quyết 05/2023/NQ-HĐND quy định về tiêu chí xác định địa bàn không đủ trường tiểu học công lập trên địa bàn Thành phố.

Năm học 2023-2024, ngành Giáo dục Thành phố tổ chức tập huấn công tác đảm bảo an toàn thực phẩm cho trường học năm học 2023-2024; hướng dẫn trẻ em sử dụng mạng internet an toàn và hiệu quả; tiếp tục triển khai Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động dạy, học trên môi trường trực tuyến.

8.3. Hoạt động văn hoá, thể thao

Về văn hóa, nghệ thuật,

Hoạt động lễ hội và sự kiện có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân, thể hiện những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, qua đó góp phần phát triển du lịch. Trong tháng 10 năm 2023, Thành phố tổ chức các chương trình văn hóa, lễ hội đặc sắc như: Lễ hội Nghinh Ông – Càn Giò năm 2023 đồng thời cũng kỷ niệm 110 năm hình thành và phát triển Lễ hội Nghinh Ông – Càn Giò, 10 năm được đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; tổ chức chương trình kỷ niệm “Ngày Sân khấu Việt Nam” năm 2023; tổ chức kỷ niệm lần thứ 32 ngày Quốc tế Người cao tuổi (01/10/1991 - 01/10/2023); tổ chức khai mạc triển lãm với chủ đề “Hội Nông dân Thành phố Hồ Chí Minh: Đoàn kết – Đổi mới – Văn minh – Phát triển”.

Về hoạt động thể thao,

Trong tháng 10, Thành phố tổ chức "Chương trình đồng diễn thể dục Aerobic" nhân kỷ niệm 93 năm Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; triển khai Giải bóng chuyền nam quân đội các nước ASEAN năm 2023; chuẩn bị các hoạt động thể dục thể thao cho Hội khỏe Phù Đổng năm học 2023-2024.

8.4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ 16/9/2023 đến 16/10/2023)

Tình hình trật tự an toàn giao thông,

Trong tháng, xảy ra 137 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 8,7% so với cùng kỳ; làm chết 39 người, giảm 7,1%; bị thương 101 người, tăng 7,4%. Không xảy ra tai nạn giao thông đường thủy, đường sắt.

Về tình hình cháy nổ,

Trong tháng, xảy ra 01 vụ cháy, làm 01 người chết; không có người bị thương, chưa thống kê được thiệt hại về tài sản. Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong tháng trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế,

Trong tháng, đã phát hiện và xử lý 98 vụ vi phạm kinh tế, tham nhũng và buôn lậu; thu giữ hàng hóa vi phạm trị giá ước tính 4,4 tỷ đồng; khởi tố 118 vụ, 45 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 86 vụ, tổng số tiền phạt trên 0,3 tỷ đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu là sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, trong đó phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp liên quan các mặt hàng thiết yếu, y tế, gây bất ổn thị trường.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy,

Trong tháng, đã phát hiện, xử lý 177 vụ, 425 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 148 vụ, 256

bị can, xử lý hành chính 26 vụ, 164 đối tượng; thu giữ 3,17 gram Heroin; 0,99 kg Cocain; 0,34 kg Cần sa; 52,62 kg ma túy tổng hợp; 07 khẩu súng và một số công cụ phương tiện khác có liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội,

Trong tháng, ghi nhận 589 vụ, tăng 13,6% so với cùng kỳ; làm chết 11 người, bị thương 41 người, tài sản thiệt hại khoảng 792 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 310/589 vụ (đạt 52,6%) và bắt 458 đối tượng.

8.5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 25.851 lượt người, nâng tổng số giải quyết việc làm trong 10 tháng là 268.061/300.000 lượt người, đạt 89,4% kế hoạch năm.

Trong tháng có 12.006 chỗ việc làm mới được tạo ra, nâng tổng số việc làm mới 10 tháng là 119.374/140.000, đạt 85,3% kế hoạch năm.

Tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài trong tháng là 159 người. Lũy kế từ đầu năm đến nay là 1.423 người, chủ yếu ở Hàn Quốc, Nhật Bản, tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

8.6. Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp

Trong tháng, đã tiếp nhận 12.211 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 13.640 người lao động. Lũy kế từ đầu năm đến nay, Thành phố đã tiếp nhận 128.477 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 125.707 người lao động đủ điều kiện.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh tháng 10 và 10 tháng năm 2023.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp;
- Vụ Hệ thống TKQG;
- Thành uỷ, HĐND, UBND TP;
- Lãnh đạo Cục TK;
- Đơn vị thuộc Cục TK;
- Cục TK một số tỉnh, TP;
- Một số Sở, ngành TP;
- Lưu: TH, TCHC.



CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Hoàng